

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ (2020)

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Giáo dục học**; Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN BỬU HUÂN**

2. Ngày tháng năm sinh: 31.07.1966; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, Tỉnh Vĩnh Long

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 62/16 đường Trần Việt Châu, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

6. Địa chỉ liên hệ: 62/16 đường Trần Việt Châu, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Điện thoại nhà riêng: 02923822417; Điện thoại di động: 0918868233 E-mail:

nbhuan@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

từ 9.1988 đến 12.1991 Giảng viên Khoa ngoại ngữ (KNN), Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT)

từ 12.1991 đến 07.2001 Giảng viên Trung tâm Ngoại ngữ (TTNN), tham gia công tác chuyên môn giảng dạy cho KNN, Trường ĐHCT

từ 7.2001 đến 5.2003 Học Thạc sĩ tại Trường Đại học Rutgers, bang New Jersey, Hoa Kỳ

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

từ 2003 đến 1.2010 Giảng viên chính, Phó Giám đốc TTNN, Bí thư chi bộ Anh văn (2007-2009), tham gia giảng dạy cho KNN

từ 2.2010 đến 1.2014 Học tiến sĩ tại Trường đại học Massey, New Zealand

từ 1.2014 đến 1.2019 Tiến sĩ, Giảng viên chính, Phó Giám đốc TTNN, Trường ĐHCT; tham gia giảng dạy cho KNN

từ 1.2019-nay Giảng viên chính, Khoa Ngoại ngữ, Trường ĐHCT

Chức vụ: Hiện nay: không; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Giám đốc TTNN, Bí thư chi bộ Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Cần Thơ

Địa chỉ cơ quan: 411 đường 30 tháng 4, phường Hưng lợi, quận Ninh kiều, thành phố Cần Thơ

Điện thoại cơ quan: 02923872290

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 5 tháng 9 năm 1988, ngành: Sư phạm, chuyên ngành: Anh văn. Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.
- Được cấp bằng Thạc sĩ tháng 5 năm 2003, ngành: Quản lý Giáo dục, chuyên ngành: thiết kế chương trình. Nơi cấp bằng ThS: Đại học Rutgers, bang New Jersey, Hoa kỳ.
- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 16 tháng 07 năm 2014, ngành: Giáo dục học, chuyên ngành: Giáo dục. Nơi cấp bằng TS: Đại học Massey, New Zealand.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày .. tháng . năm ..., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường ĐHCT

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành: **Giáo dục học**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- (1) *Nghiên cứu nâng cao kết quả học tập tiếng Anh của sinh viên, học viên thông qua phương pháp dạy và học chủ động, tích cực (active learning)*
- (2) *Nghiên cứu phát triển năng lực giảng dạy và nghiên cứu của giáo viên tiếng Anh thông qua việc tìm hiểu niềm tin của giảng viên (teacher beliefs)*
- (3) *Khảo sát thực trạng giảng dạy của giảng viên thông qua nghiên cứu thực nghiệm về các phương pháp giảng dạy và cách thiết kế bài tập trên lớp (action research in relation to teacher practices and teacher learning).*
- (4) *Nghiên cứu đánh giá năng lực của sinh viên về viết học thuật trong tiếng Anh chuyên ngành cũng như nhận thức của sinh viên về lĩnh vực viết dựa trên tài liệu tham khảo (Academic writing in English for Specific Purposes).*

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) **09** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS.
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng: **01**;
- Đã công bố **30** bài báo khoa học, trong đó **03** bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín (thuộc danh mục **Scopus**); **24** bài trên tạp chí quốc tế, và **03** bài trong nước.
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: **06**, trong đó **05** thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục do Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký (năm 2007).
- Bằng khen Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (năm 2009).
- Danh hiệu: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở tại Trường Đại học Cần Thơ (năm học 2014-2015)

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Đạt

Trong suốt hơn 32 năm công tác tại Trường ĐHTC, bản thân đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn được Khoa và Bộ môn phân công. Luôn giữ vững phẩm chất, tác phong, đạo đức của người thầy, luôn học tập nâng cao trình độ, nghiên cứu khoa học, và hỗ trợ chuyên môn đối với đồng nghiệp trẻ. Bản thân đã đạt chuẩn về đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp, có lý lịch bản thân rõ ràng. Luôn nỗ lực bản thân góp phần đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Bản thân đã xuất bản nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế và trong nước thuộc lĩnh vực Giáo dục học, chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh như một ngoại ngữ. Đồng thời, bản thân biên soạn giáo trình và sách dành cho sinh viên chuyên ngữ và chuyên ngành nhằm góp phần nâng cao trình độ cho sinh viên, học viên cao học và chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp và giảng viên có quan tâm.

Bản thân tham gia hội thảo trong và ngoài nước nhằm trau dồi chuyên môn, hướng dẫn học viên cao học và sinh viên thực hiện các đề tài và hướng dẫn các em cách viết bài nghiên cứu khoa học. Với những kết quả đạt được nêu trên, bản thân mong rằng mình đủ tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà giáo để được xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư năm 2020.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Tổng số: 32 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015					328		328/328/280
2	2015-2016			3 (105)		285	60	450/450/280
3	2016-2017			3 (105)		396	180	681/681/270
3 năm học cuối								
4	2017-2018			3 (105)		369	90	564/564/270
5	2018-2019			3(105)		576	90	771/771/270
6	2019-2020			3(105)		444	90	639/639/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ;

- Học ĐH ; Tại nước: Việt Nam; Từ năm 1984 đến năm 1988

- Bảo vệ luận văn ThS tại Đại học Rutgers, bang New Jersey, Hoa Kỳ năm 2003

- Bảo vệ luận án Tiến sĩ tại Đại học Massey, New Zealand năm 2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: sư phạm tiếng Anh số bằng: 73571, năm cấp:1988

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy: Đại học Cần Thơ, Việt Nam

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Pháp (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ B

4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1.	Trần Thị Bích Phương		x	x		2016-2017	ĐHCT	2017
2.	Phạm Trung Nghĩa		x	x		2016-2017	ĐHCT	2017
3.	Phạm Thị Hồng Nhung		x	x		2016-2017	ĐHCT	2017
4.	Phạm Thanh Mỹ Dịu		x	x		2017-2018	ĐHCT	2018
5.	Phạm Thái Hồng		x	x		2017-2018	ĐHCT	2018
6.	Nguyễn Thị Bích Thủy		x	x		2017-2018	ĐHCT	2018
7.	Hồng Diễm Thúy		x	x		2018-2019	ĐHCT	2019
8.	Nguyễn Cẩm Tiên		x	x		2018-2019	ĐHCT	2019
9.	Nguyễn Thị Thanh Nhân		x	x		2018-2019	ĐHCT	2019

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Kỹ năng Viết học thuật II (Advanced Writing Skills II)	GT	NXB ĐHCT 2018, tái bản lần nhất 2019 (có sửa chữa và bổ sung)	3	Chủ biên		Quyết định xuất bản giáo trình của ĐHCT, Số 05/QĐ-ĐHCT, 24.01.2018: ISBN: 978-604-919-991-2
2	Giáo trình Anh văn chuyên ngành khoa học môi trường	GT	NXB ĐHCT 2014 (tái bản lần thứ nhất 2019, có sửa chữa bổ sung)	2	Đồng tác giả		Quyết định xuất bản giáo trình của NXB ĐHCT, Số 33/ QĐ-NXB ĐHCT, 19.06.2019 ISBN: 978-604-965-205-9

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

3	Giáo trình Anh văn chuyên môn Sinh học	GT	NXB ĐHCT 2017	6	Tham gia biên soạn	Quyết định xuất bản giáo trình của NXB ĐHCT Số 49/ QĐ-NXB ĐHCT, 15/08/2017 ISBN: 978-604-919-838-0
4	A topic-based collection of English-Vietnamese translation (Tuyển tập các bài dịch Anh-Việt theo chủ đề)	TK	NXB ĐHCT 2020	7	Tham gia biên soạn	Quyết định xuất bản giáo trình của ĐHCT, Số 10/ QĐ ĐHCT, 06/03/2020 ISBN: 978-604-965-331-5
5	Teacher Change and Dynamics of English Language Teaching Practices	TK	Lambert Academic Publishing (Germany) 2020	1	Chủ biên; Biên soạn chương 2 và 5	ISBN: 978-620-2-56373-4
6	A Textbook of Nutrition for Vietnamese students	TK	Lambert Academic Publishing (Germany) 2020	3	Đồng tác giả/ biên soạn	ISBN: 978-620-2-52353-0
7	English for Techno-Food Processing: A practical guide for Vietnamese students	TK	Lambert Academic Publishing (Germany) 2020	2	Đồng tác giả	ISBN: 978-620-2-52709-5
8	English for Nutrition and Food Science: A guide for Vietnamese students	TK	Lambert Academic Publishing (Germany) 2020	2	Đồng tác giả	ISBN: 978-620-2-53145-0
9	An English-Vietnamese Textbook for Science of Nutrition: A healthy food guide for students	TK	Lambert Academic Publishing (Germany) 2020	3	Đồng tác giả/ biên soạn	ISBN: 978-620-2-53162-7

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu ;Xếp loại
1	Thực trạng và giải pháp viết tiếng Anh học thuật cho sinh viên ngành kinh doanh quốc tế chất lượng cao	CN	T2019-55; cấp cơ sở	7 tháng (3.6.2019-3.12.2019)	16.12.2019 Xuất sắc

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Các bài báo trước khi bảo vệ tiến sĩ								
1.	Task-based language learning and student motivation in vocabulary acquisition	2		Tạp chí quốc tế <i>Language Education in Asia</i> ISSN: 1838-7365			3 (1), 106-120	2012
2.	Beliefs about support for change in English for Specific Purposes university classes*	1	x	Tạp chí quốc tế <i>New Zealand Studies in Applied Linguistics</i> ISSN: 1173-5562			19(2), 36-48	2013

Các bài báo sau khi được cấp bằng tiến sĩ								
3.	English for Specific Purposes (ESP): Perceptions of students and teachers of learning needs at a Vietnamese school*	2	x	Tạp chí quốc tế <i>International Journal of Advanced Research</i> ISSN: 2320-5407			5(4), 793-803	2017
4.	Summarizing strategy: Potential tool to enhance reading comprehension in a vocational school, Vietnam*	2	x	Tạp chí quốc tế <i>European Journal of Educational Studies</i> ISSN: 2501-1111			3 (8), 51-78	2017
5.	English-major students' perceptions of demotivating factors in learning reading*	2	x	Tạp chí quốc tế <i>International Journal of Advanced Research</i> ISSN: 2320-5407			5(8), 200-207	2017
6.	Students' attitudes towards drama-based role play in oral performance*	2	x	Tạp chí quốc tế <i>European Journal of Foreign Language Teaching</i> ISSN: 2501-1754			2(3), 30-48	2017
7.	Teacher beliefs about critical reading strategies in English as a foreign language classes in Mekong Delta institutions, Vietnam	2		Tạp chí quốc tế <i>European Journal of English Language Teaching</i> ISSN: 2501-7136			2(4), 39-57	2017
8.	Factors influencing group work of students in learning English as a foreign language (EFL): A case study at Vietnamese university	2		Tạp chí trong nước <i>Can Tho University Journal of Science</i> ISSN: 1859-2333			6 9-16	2017
9.	Drama-based role play activities to impact on students' speaking performance	2		Tạp chí trong nước <i>Can Tho University Journal of Science</i> ISSN: 1859-2333			7 91-99	2017
10.	Reading strategy instruction to young language learners: Teachers' practices and perceptions	2		Tạp chí trong nước <i>Can Tho University Journal of Science</i> ISSN: 1859-2333			7 138-147	2017
11.	Text-based vocabulary instruction as a learning tool	2		Tạp chí quốc tế			3 (1), 39-59	2017

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	for EFL freshmen's reading comprehension			<i>European Journal of English Language Teaching</i> ISSN: 2501-7136				
12.	Task-based vocabulary instruction at a Vietnamese high school: Students' perceptions*	2	x	Tạp chí quốc tế <i>European Journal of English Language Teaching</i> ISSN: 2501-7136			3(3), 1-20	2018
13.	Concept mapping influencing students' ability to summarize reading passages*	2	x	Tạp chí quốc tế <i>European Journal of Educational Studies</i> ISSN: 2501-1111			4(4), 306-319	2018
14.	Teachers' perceptions about task-based language teaching and its implementation	2		Tạp chí quốc tế <i>European Journal of Foreign Language Teaching</i> ISSN: 2501-1754			3 (2), 68-86	2018
15.	The effects of question-answer relationship strategy on EFL high school students' reading comprehension	2		Tạp chí quốc tế <i>European Journal of English Language Teaching</i> ISSN: 2501-7136			3(4), 34-48	2018
16.	The impact of storytelling on high school students' oral performance	2		Tạp chí quốc tế <i>European Journal of English Language Teaching</i> ISSN: 2501-7136			3 (4), 49-64	2018
17.	Teacher corrective feedback on students' speaking performance and their uptake in EFL classes	2		Tạp chí quốc tế <i>European Journal of Foreign Language Teaching</i> ISSN: 2501-1754			3(3), 110-131	2018
18.	Impact of pictures on young learners' speaking ability at a primary school in Tra Vinh province, Vietnam	2		Tạp chí quốc tế <i>The International Journal of Humanities and Social Sciences</i> ISSN: 2321-9203			6(8), 441-447	2018
19.	Students' attitudes towards pair work in a Vietnamese college	2		Tạp chí quốc tế <i>The International Journal of Humanities and Social Sciences</i> ISSN: 2321-9203			6(9), 157-162	2018
20.	Impact of cooperative learning on learner motivation in	2		Tạp chí quốc tế			4 (1),	2018

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	speaking at a Vietnamese high school			<i>European Journal of English Language Teaching</i> ISSN: 2501-7136			136-148	
21.	Teachers' perceptions about PowerPoint use as an ICT tool for teaching vocabulary in Vietnam	2		Tạp chí quốc tế <i>European Journal of Foreign Language Teaching</i> ISSN: 2501-1754			3(4), 104-119	2018
22.	Challenging ESP teacher beliefs about active learning in a Vietnamese university*	3	x	Tạp chí quốc tế Teacher Development p-ISSN: 1366-4530 e-ISSN: 1747-5120 SJR: https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=5800179611&tip=sid&clean=0 SJR 2018= 0.42, Q2	SCOPUS (IF: 0.51)		23 (3), 345-365	2019
23.	Edmodo use in ESP writing: Students' perceptions*	2	x	Tạp chí quốc tế <i>European Journal of English Language Teaching</i> ISSN: 2501-7136			4(4), 130-140	2019
24.	Source-based learning through paraphrasing and summarizing: Students' perceptions and practices*	2	x	Tạp chí quốc tế <i>International Journal of Innovative Research and Development</i> ISSN: 2278-0211			8 (10), 22-28	2019
25.	Teacher beliefs and their change process in ESP university classes*	1	x	Kỷ yếu hội nghị quốc tế <i>Proceedings of ICSAI Conferences</i> ISSN: 2682-7697			2 (11), 24-36	2019
26.	Teacher beliefs and practices of scaffolding students' reading comprehension through questioning at pre-reading stage	2		Tạp chí quốc tế <i>European Journal of Foreign Language Teaching</i> ISSN: 2537-1754			4(2), 72-92	2019
27.	Teachers' perceptions about vocabulary instruction through flashcards at English language centers in the Mekong Delta City	2		Tạp chí quốc tế <i>i-manager Journal on English Language Teaching</i> ISSN: 2231-3338			9(3), 36-48	2019

28.	Lecturers' beliefs and agency about active learning in English for Specific Purposes classes*	1	x	<p>Tạp chí quốc tế</p> <p>International Journal of Learning, Teaching and Educational Research</p> <p>p-ISSN: 1694-2493</p> <p>e-ISSN: 1694-2116</p> <p>SJR:</p> <p>https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100897703&tip=sid&clean=0</p> <p>SJR 2019: 0.16; Q4-Education</p>	SCOPUS (IF=0.25-2018)	19 (3), 86-105	2020
29.	Teachers' perceptions about using songs in vocabulary instruction to young language learners*	2	x	<p>Tạp chí quốc tế</p> <p>Universal Journal of Educational Research</p> <p>p-ISSN: 2332-3205</p> <p>e-ISSN: 2332-3213</p> <p>SJR:</p> <p>https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100898670&tip=sid&clean=0</p> <p>SJR 2019=0.12; Q4-Education</p>	SCOPUS	8 (6), 2678-2685	2020
30.	Classroom participation in EFL speaking classes: Students' perceptions	2		<p>Tạp chí quốc tế</p> <p>International Journal of Innovative Research and Development</p> <p>ISSN: 2278-0211</p>		9 (4), 1-8	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà ứng viên là tác giả chính

sau khi được cấp bằng tiến sĩ: 12; trong đó

03 bài thuộc danh mục **Scopus**; và **09** bài trên tạp chí khoa học quốc tế.

trước khi cấp bằng tiến sĩ: 01

01 bài trên tạp chí khoa học quốc tế.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: không

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: Không

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế: không

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: không

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: không

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: không

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): không

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): không

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): không

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: không

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: không

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

Chương sách thay thế: Students' perceptions about oral presentations in speaking classes
Tác giả Thái Dương Hoàng Oanh, Nguyễn Trung Cang, và **Nguyễn Bửu Huân**. Trong quyển *Teacher Change and Dynamics of English Language Teaching Practices*. Sách được biên tập bởi **Nguyễn Bửu Huân**. Xuất bản bởi nhà xuất bản Lambert Academic Publishing, Germany; Năm 2020; ISBN: 978-620-2-56373-4

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 03 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 10 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Bửu Huân